

**DANH SÁCH PHÊ DUYỆT CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP DẠY LỚP GHÉP, DẠY TĂNG CƯỜNG TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM NGƯỜI DÂN TỘC
THIỆU SỐ TỪ THÁNG 9 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số: 1222/ TTr-PGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2023)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số giáo viên được hưởng chính sách dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng Việt	Giáo viên dạy lớp ghép (trong tổng số)	Giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt (trong tổng số)	Tổng kinh phí (01 tháng)	Kinh phí tăng thêm 01 năm (04 tháng từ tháng 9 đến tháng 12/2023)
1	MN xã Mường Pôn	16	3	13	7,20	28,80
2	MN số 2 Mường Pôn	11	4	7	4,95	19,80
3	MN xã Hua Thanh	15	9	6	6,75	27,00
4	MN xã Pom Lót	2	2		0,90	3,60
5	MN xã Thanh An	9	1	8	4,05	16,20
6	MN xã Núa Ngam	9	7	2	4,05	16,20
7	MN xã Hẹ Muông	15	8	7	6,75	27,00
8	MN số 1 xã Na Tông	7	5	2	3,15	12,60
9	MN số 2 xã Na Tông	6	6		2,70	10,80
10	MN xã Mường Nhà	16	9	7	7,20	28,80
11	MN Pu Lau Mường Nhà	5	5		2,25	9,00
12	MN xã Phu Luông	9	7	2	4,05	16,20
13	MN xã Mường Lói	13	10	3	5,85	23,40
14	MN xã Pa Thơm	7		7	3,15	12,60
15	MN xã Na Ư	10	8	2	4,50	18,00

STT	Đơn vị	Tổng số giáo viên được hưởng chính sách dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng Việt	Giáo viên dạy lớp ghép (trong tổng số)	Giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt (trong tổng số)	Tổng kinh phí (01 tháng)	Kinh phí tăng thêm 01 năm (04 tháng từ tháng 9 đến tháng 12/2023)
	Tổng cộng	150	84	66	67,50	270,00